

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST
Ngày 27 -8 - 2021
V/ v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An;

Bà Bùi Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng
6 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 10/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Kim D, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Văn T, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N (xóm 5), xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Ibaraki Ken, Kashima – shi, Hachigatadai 2, chome 3, banchi
4 burenrucie 88-306, Japan (Nhật Bản), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/5/5021 và những lời khai tiếp theo
nguyên đơn chị Dương Thị Kim D trình bày:* Chị và anh Hồ Văn T đăng ký kết
hôn ngày 29/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V. Việc kết hôn của chị
là hoàn toàn tự nguyện, không ai bắt buộc, trước khi kết hôn được tự do tìm
hiểu. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng nhau ở Thôn N, xã L, huyện
V, tỉnh Vĩnh Phúc, không ở cùng bố mẹ chồng. Chị và anh T chung sống cùng
nhau đến khoảng tháng 6 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ đẻ

của chị sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T không có tiếng nói chung và không cùng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 11 năm 2019 hai bên gia đình có hòa giải và anh, chị đoàn tụ chung sống tiếp với nhau tại Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến tháng 8 năm 2020 chị và anh T lại xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2020 anh T sang Nhật Bản. Sau khi anh T sang Nhật Bản tình cảm giữa chị và anh T mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Đến tháng 12 năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa. Chị và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung, các vấn đề liên quan đến tài sản: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Hồ Văn T trình bày:

Sau quá trình tìm hiểu và được sự nhất trí của hai gia đình anh và chị Dương Thị Kim D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 29/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh và chị D thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau khoảng cuối năm 2019 anh và chị D hay lời qua tiếng lại với nhau, không còn tôn trọng nhau. Đến tháng 10 năm 2020 anh đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên anh không có việc làm và không liên lạc với chị D nữa. Sau thời gian mặc dù cả hai bên đều cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng, cả hai đều nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh xác định anh và chị D không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh và chị D không có tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T còn trình bày do hiện nay anh đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản nên anh không có điều kiện để về Việt Nam và anh có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc gửi văn bản tố tụng cho anh T vi phạm Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự do không lưu được cuống gửi nên cần rút kinh nghiệm.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- + Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị Kim D được ly hôn anh Hồ Văn T.
- + Về con chung: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.
- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.
- + Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng, anh Hồ Văn T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt gửi từ Nhật Bản về có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hồ Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Kim D và anh Hồ Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, nhiều lần cãi nhau và chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở vài lần. Anh T đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng đã sống xa nhau từ năm 2020, không thăm hỏi, động viên, không quan tâm đến nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc ly hôn của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị D và anh T ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị Kim D và anh Hồ Văn T đều xác định chưa có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết về con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Dương Thị Kim D và anh Hồ Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Những quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị Kim D được ly hôn anh Hồ Văn T.
2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0009793 ngày 21/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Dương Thị Kim D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
3. Thời hạn kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã L, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An Bùi Thị Bích Liên

Nguyễn Vĩnh Thành